

Chi tiết mã HS 7312.90.00

Mã HS	7312.90.00
Mô tả hàng hóa	Dây bện tạo, thùng, cáp, băng tết, dây treo và các loại tương tự, bằng sắt hoặc thép, chưa cách điện / - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	31/10/2026 02:09:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/73129000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11791
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11791
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q11791
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11136
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11079
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11079
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11079
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11079
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11079
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11079
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11131
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11131

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11131
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11131
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11131
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11131
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11132
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11132
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11132
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11132
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11132
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11132
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11135
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11085
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11091
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11091
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11091
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11091
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11091
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11091
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11122
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11122
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11122
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11122
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11122
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11122
VCFTA	2022	2022	5	VC!D11169
VCFTA	2023	2023	5	VC!E11169

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11169
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11169
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11169
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11169
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11154
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11154
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11154
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11154
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11154
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11154
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D11154
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E11154
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F11154
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G11154
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H11154
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11154
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D11171
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E11171
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F11171
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11171
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11171
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11171
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D11170
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E11170
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F11170
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11170

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11170
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11170
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11117
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11117
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11117
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11117
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11117
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11117
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11117
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11154
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11154
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11154
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11154
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11154
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11154
RCEP B	2022	2022	0	B!D11154
RCEP B	2023	2023	0	B!E11154
RCEP B	2024	2024	0	B!F11154
RCEP B	2025	2025	0	B!G11154
RCEP B	2026	2026	0	B!H11154
RCEP B	2027	2027	0	B!I11154
RCEP C	2022	2022	0	C!D11154
RCEP C	2023	2023	0	C!E11154
RCEP C	2024	2024	0	C!F11154
RCEP C	2025	2025	0	C!G11154
RCEP C	2026	2026	0	C!H11154

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11154
RCEP D	2022	2022	0	D!D11153
RCEP D	2023	2023	0	D!E11153
RCEP D	2024	2024	0	D!F11153
RCEP D	2025	2025	0	D!G11153
RCEP D	2026	2026	0	D!H11153
RCEP D	2027	2027	0	D!I11153
RCEP E	2022	2022	0	E!D11157
RCEP E	2023	2023	0	E!E11157
RCEP E	2024	2024	0	E!F11157
RCEP E	2025	2025	0	E!G11157
RCEP E	2026	2026	0	E!H11157
RCEP E	2027	2027	0	E!I11157
RCEP F	2022	2022	0	F!D11154
RCEP F	2023	2023	0	F!E11154
RCEP F	2024	2024	0	F!F11154
RCEP F	2025	2025	0	F!G11154
RCEP F	2026	2026	0	F!H11154
RCEP F	2027	2027	0	F!I11154
VIFTA	2024	2024	3.3	VI!F10332
VIFTA	2025	2025	1.7	VI!G10332
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10332
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10332

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7312.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 7312.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11791), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.